TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2018/DS-ST Ngày 31/7/2018 V/v tranh chấp dân sự hợp đồng dịch vụ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trí;

Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2018/TLST-DS ngày 29/6/2018 về tranh chấp dân sự Hợp đồng dịch vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1964, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phú N, sinh năm 1977, địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Ngọc T trình bày:

Vào tháng 6/2016 anh N có thuê kobe của ông làm líp trồng xoài, với giá thỏa thuận là 21.500.000đ, khi làm xong anh N không có tiền trả và có làm biên nhận nợ số tiền 21.500.000đ, sau đó mấy tháng anh N trả được 10.000.000đ, còn nợ lại 11.500.000đ;

Nay ông yêu cầu anh N phải trả số tiền dịch vụ còn nợ là 11.000.000đ, yêu cầu anh N trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Phú N trình bày:

Vào năm 2016 anh có thuê ông T dùng máy Kobe làm líp trồng xoài với giá thỏa thuận là 21.500.000đ, đã trả được 10.000.000đ, còn nợ lại 11.500.000đ, anh thống nhất trả số nợ trên, nhưng mỗi tháng trả 2.000.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về quan điểm gải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và tranh luận của các đương tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2018, nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả số tiền dịch vụ còn nợ là 11.000.000đ, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý vụ án: Tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất một số nội dung như sau:

[2.1] Vào tháng 6/2016 anh Nguyễn Phú N có thuê ông Trần Ngọc T dùng máy Kobe làm líp để trồng xoài với giá dịch vụ là 21.500.000đ, anh N đã trả được 10.000.000đ, còn nợ lại 11.500.000đ;

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 11.000.000đ, bị đơn đống ý trả 11.000.000đ , nhưng yêu cầu cho trả mỗi tháng 2.000.000đ, trả đến khi hết nợ;

Tòa án nhận định: Hợp đồng dịch vụ giữa ông T và anh N là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự. Việc buộc anh N phải trả cho ông T số tiền dịch vụ còn nợ 11.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 515 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận;

Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phú N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 550.000đ.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 513 và khoản 2 Điều 515 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc T đối với anh Nguyễn Phú N.

Buộc anh Nguyễn Phú N phải trả cho ông Trần Ngọc T số tiền dịch vụ còn nợ là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng);

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh N chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Phú N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình;

Ông Trần Ngọc T được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0002766 ngày 29/6/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Bùi văn Toán